

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11-CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2026/DS-ST.
Ngày 22-01-2026.
V/v Tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Diệu Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lý Thị Thu Thúy.

Bà Phạm Kim Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Chúc. Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thái Chân – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2024/TLST-DS, ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2026/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1960. (Có mặt)

Địa chỉ: khu vực 12, phường Vị Thanh, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Danh Nh, sinh năm 1969. (Có mặt)

Địa chỉ: khu vực 12, phường Vị Thanh, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Danh Nh: Bà Đồng Thị Cẩm Nh - Trợ giúp viên pháp lý hạng III của Trung tâm pháp lý Nhà nước tỉnh Hậu Giang. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1957. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu vực 12, phường Vị Thanh, thành phố Cần Thơ.

2. Bà Thạch Thị V, sinh năm 1972. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: khu vực 12, phường Vị Thanh, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của bà Thạch Thị V: Ông Danh Nh, sinh năm 1969. Địa chỉ: khu vực 12, phường Vị Thanh, thành phố Cần Thơ.

3. Ông Danh C. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: khu vực 4, phường Vị Thanh, thành phố Cần Thơ.

4. Ông Danh V. (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: khu vực 4, phường Vị Thanh, thành phố Cần Thơ.

5. Hàng thừa kế theo pháp luật của ông Danh U:

1. Bà Thị Bé S, sinh năm 1977. (*Vắng mặt*)

2. Anh Danh Ph. (*Vắng mặt*)

3. Chị Danh Thị Phương Th. (*Vắng mặt*)

4. Chị Danh Thị Th. (*Vắng mặt*)

5. Chị Danh Thị X. (*Vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: khu vực 4, phường Vị Thanh, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/6/2024, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày: Vào ngày 12/02/2001, vợ chồng bà có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nh thửa đất số 153, tờ bản đồ số 22 đất tại khu vực 4, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang nay là phường Vị Thanh, thành phố Cần Thơ, giá chuyển nhượng là 02 cây 04 chỉ vàng 24k, hai bên có lập giấy tay sang đất. Sau khi chuyển nhượng bà X nhận đất canh tác và giao đủ số vàng chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nh từ ngày 12/02/2001 nhưng chưa làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định. Đến năm 2008, phần đất chuyển nhượng bị ảnh hưởng công trình đường nội thị xã Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang với diện tích bị thu hồi là 1.360,2m², bồi thường số tiền 57.128.400 đồng, vợ chồng bà X nhận. Sau đó, ông Danh Nh mới đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà đi làm thủ tục tách thửa theo quy định, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 17/12/2015, thì hộ ông Danh Nh đã chuyển nhượng cho bà phần đất diện tích 689,6m² thửa đất số 153, tờ bản đồ số 22 đất tại khu vực 4, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp ngày 05/02/2016 mang tên bà Nguyễn Thị X. Phần đất còn lại vợ chồng bà X quản lý do còn nằm trong quy hoạch nên chưa thực hiện thủ tục chuyển nhượng được, đến nay đã xóa quy hoạch và được đăng ký quyền sử dụng đất thì vợ chồng bà X liên hệ ông Danh Nh để tiếp tục thực hiện thủ tục chuyển nhượng nhưng không được ông Nh đồng ý, ông Nh cho rằng phần đất còn lại của gia đình ông Danh Nh. Bà Nguyễn Thị X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Danh Nh có trách nhiệm tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất phần đất còn lại tại thửa đất số 153, tờ bản đồ số 22 cho bà.

Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 12/11/2024 của bị đơn ông Danh Nh, quá trình giải quyết vụ án ông Danh Nh trình bày: Vào ngày 12/02/2001, vợ chồng ông có chuyển nhượng phần đất cho bà X và ông Th tại thửa 153, tờ bản đồ số 22 là đúng, giá 02 cây 04 chỉ vàng 24k, hai bên có lập giấy tay thể hiện diện tích đất là 02 công 02 gốc ba đất. Vợ chồng ông đã nhận đủ vàng và giao đất cho bà X sử dụng từ năm 2001 cho đến nay. Sau khi chuyển nhượng, phần đất trên có ảnh hưởng quy hoạch, bà X đã nhận tiền; sau đó vợ chồng ông cũng đã tách quyền sử dụng đất xong cho bà X. Bà X khởi kiện yêu cầu ông tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng ông không đồng ý, ông đồng ý chuyển nhượng cho bà X, ông Th phần đất tại thửa 153 theo giấy tay lập ngày 12/02/2001 với diện tích đất 02 công 02 gốc ba tương ứng là 2.600,0m². Yêu cầu phản tố của ông Nh là phần đất còn lại diện tích 1.637,2m² hiện còn trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nh, ông yêu cầu bà X, ông Th phải trả lại diện tích đất trên cho vợ chồng ông sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Th trình bày: Thông nhất trình bày của bà Nguyễn Thị X, không yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Thạch Thị V trình bày: Thông nhất trình bày của ông Danh Nh, không yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Danh V và ông Danh C trình bày: Ông Danh V và ông Danh C là con ruột với ông Danh Nh, là thành viên hộ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00237/QSDD, cấp ngày 25/5/1998. Phần đất tranh chấp tại thửa 153, tờ bản đồ số 22 với bà Nguyễn Thị X, chúng tôi đồng ý cho ông Danh Nh toàn quyền quyết định vì phần đất này của cha mẹ, chúng tôi không khiếu nại về sau. Do đi làm ăn xa không thể tham dự phiên tòa, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thị Bé S, anh Danh Ph, chị Danh Thị Phương Th, chị Danh Thị Th, chị Danh Thị X trình bày: chúng tôi là vợ và các con của ông Danh U (chết ngày 21/3/2020). Ông Danh U có chung hộ khẩu với ông Danh Nh nên vào thời điểm 2015 có thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho phía ông Th, bà X. Đối với phần đất tranh chấp trước và sau chúng tôi không có quản lý, sử dụng chung, phần đất là của ông Danh Nh. Nay chúng tôi không có yêu cầu gì, giao toàn bộ cho ông Danh Nh quản lý, sử dụng. Đối với tranh chấp giữa ông Nhộ và Xuân yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không khiếu nại về sau.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Danh Nh thay đổi yêu cầu phản tố, ông yêu cầu bà X trả lại phần đất còn dư là 788,7m², thửa 153, tờ bản đồ 22 thuộc khu vực 4, phường Vị Thanh, thành phố Cần Thơ.

Các đương sự thống nhất Mạnh trích đo địa chính số 13/2025 lập ngày 17/4/2025 của Công ty TNHH MTV Đo đạc Tán Lộc Thành và Chứng thư thẩm định giá số 235/2025/107-BDS ngày 21/4/2025 của Công ty cổ phần thẩm định giá Thống Nhất.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ phát biểu: Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Danh Nh. Án phí và các chi phí tố tụng đương sự nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X, đơn yêu cầu phản tố của bị đơn ông Danh Nh về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất thửa 153 thuộc khu vực 4, phường Vị Thanh, thành phố Cần Thơ. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự gồm những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Danh V, ông Danh C, bà Thị Bé S, anh Danh Ph, chị Danh Thị Phương Th, chị Danh Thị Th, chị Danh Thị X có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định.

[3] Về nội dung tranh chấp: Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án và cùng các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập thể hiện trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1] Hộ ông Danh Nh được quyền sử dụng phần đất tổng diện tích 35.905m², các thửa số 433, 432, 381, 382, 383, 153 thuộc tờ bản đồ số 21 và 22, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00237/QSDĐ cấp ngày 25/5/1998, đất tại ấp 11, huyện Vị Thanh, tỉnh Cần Thơ nay là phường Vị Thanh, thành phố Cần Thơ. Đến năm 2015, hộ ông Danh Nh đăng ký biến động về cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa số 383, 382, 381, 433, 432 thuộc tờ bản đồ số 21 và 22 thành thửa mới 48, 47, 332, 50, 36 thuộc tờ bản đồ số 77 do hộ Danh Nh và bà Thạch Thị V đứng tên.

[3.2] Về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Ngày 12/02/2001, vợ chồng ông Danh Nh chuyển nhượng phần đất tại thửa 153 thuộc tờ bản đồ số 22, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00237/QSDĐ cấp ngày 25/5/1998, đất tại ấp 11, huyện Vị Thanh, tỉnh Cần Thơ nay là phường Vị Thanh, thành phố Cần Thơ cho ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị X, giá chuyển nhượng là 02 cây 04 chỉ vàng 24k, có lập giấy tay sang đất, các bên đã thanh toán đủ vàng và nhận đất sử dụng, chưa thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định. Đến năm 2008, phần đất nhận chuyển nhượng bị ảnh hưởng dự

án Đường nối thị xã Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang với thành phố Cần Thơ – đợt 2 (lần 2), đoạn qua địa bàn phường III và phường V, thị xã Vị Thanh, diện tích đất bị thu hồi là 1.360,2m², số tiền bồi thường là 57.128.400 đồng ông Th và bà X nhận. Đến năm 2015 hộ ông Nh thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà X theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, số Công chứng 609, quyền số 01/2015.TP/CC-SCC/HĐGD, lập ngày 17/12/2015, với diện tích là 689,6m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05678 và số CS05677, cấp ngày 05/02/2016. Phần đất còn lại giáp phần đất thu hồi theo Mạnh trích đo địa chính số 13/2025 của Công ty TNHH MTV Đo đạc Tản Lộc Thành lập ngày 17/4/2025, diện tích là 1.338,9m² còn trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00237/QSDĐ cấp ngày 25/5/1998 của hộ ông Danh Nh, chưa thực hiện chuyển nhượng do nằm trong quy hoạch, đất bà X sử dụng từ năm 2001 cho đến nay. Năm 2024, bà X yêu cầu ông Nh tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng phần đất còn lại ông Nh không đồng ý. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Danh Nh trình bày theo giấy sang đất lập ngày 12/02/2001 thể hiện hai công hai góc ba tương đương diện tích là 2.600m², phần đất của ông theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 153 có diện tích 3.687m² nên khi chuyển nhượng giao đất cho bà X lớn hơn giấy tay mua bán, nay chỉ đồng ý chuyển nhượng cho bà X diện tích 2.600m², phần đất dư còn lại yêu cầu bà X trả lại cho gia đình ông sử dụng.

[3.3] Hội đồng xét xử xét thấy: nguyên đơn và bị đơn đều sự thừa nhận vào ngày 12/02/2001, bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Văn Th có nhận chuyển nhượng của hộ ông Danh Nh và bà Thạch Thị V phần đất thửa số 153, tờ bản đồ số 22, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00237/QSDĐ, cấp ngày 25/5/1998, đất tại đất tại ấp 11, huyện Vị Thanh, tỉnh Cần Thơ nay là khu vực 4, phường Vị Thanh, thành phố Cần Thơ theo giấy tay sang đất lập ngày 12/02/2001. Bị đơn ông Nh trình bày theo giấy sang đất lập ngày 12/02/2001 thể hiện hai công hai góc ba tương đương diện tích là 2.600m² nhưng trong tờ sang đất không có thể hiện diện tích 2.600m², ông Nh trình bày diện tích chuyển nhượng cho bà X là 2.600m² là không đúng. Ngoài ra, phần đất tại thửa 153 trước khi chuyển nhượng cho bà X, thửa đất này ông Nh trực tiếp sử dụng cũng biết được diện tích đất thực tế, từ chuyển nhượng giao phần đất bà X sử dụng từ năm 2001 cho đến nay, hộ ông Nh không có tranh chấp hay ý kiến gì nên bà X trình bày nhận chuyển nhượng toàn bộ thửa đất 153 của hộ ông Danh Nh là có cơ sở.

[3.4] Về hình thức của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất các đương sự tuy chưa tuân thủ quy định của Luật đất đai và Bộ luật dân sự nhưng việc chuyển nhượng của các đương sự trên cơ sở tự nguyện và có thật, các bên cũng đã thực hiện xong nghĩa vụ trong giao dịch và bà X đã nhận đất và quản lý sử dụng từ năm 2001 cho đến nay không ai tranh chấp hay ý kiến gì. Đối chiếu quá trình sử dụng thực tế thửa đất chuyển nhượng của bà X, cụ thể diện tích đất bị thu hồi là 1.360,2m²; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, số Công chứng 609, quyền số 01/2015.TP/CC-SCC/HĐGD, lập ngày 17/12/2015, diện tích là 689,6m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05678 và số CS05677 do bà Nguyễn Thị X đứng tên cùng với phần đất thực tế còn lại diện tích là

1.338,9m² theo Mạnh trích đo địa chính số 13/2025 của Công ty TNHH MTV Đo đạc Tản Lộc Thành lập ngày 17/4/2025 thì tổng diện tích thực tế thửa 153, có diện tích là 3.388,7m² thực tế nhỏ hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00237/QSDĐ, cấp ngày 25/5/1998 hộ ông Danh Nh đứng tên, các đương sự thống nhất không khiếu nại. Đối với thửa đất này, mặc dù giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nh và bà V, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, các thành viên hội đồng xét xử thống nhất, không tranh chấp.

[4] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X; không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Danh Nh.

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị X và ông Danh Nh đối với phần đất tại thửa 153 thuộc tờ bản đồ số 22, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00237/QSDĐ cấp ngày 25/5/1998, đất tại ấp 11, huyện Vị Thanh, tỉnh Cần Thơ nay là phường Vị Thanh, thành phố Cần Thơ.

[5] Về chi phí tố tụng bao gồm: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và trích lục hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Mạnh trích đo địa chính, Chứng thư thẩm định giá tài sản đất tranh chấp tổng cộng số tiền là 10.730.000 đồng. Bà Nguyễn Thị X nộp 5.730.000 đồng; ông Danh Nh nộp 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đã nộp xong.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Danh Nh nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, 35, 39, 91, 95, 147, 157, 165, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Các Điều 116, 129, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều a khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Danh Nh.

1/ Công nhận cho bà Nguyễn Thị X được quyền tiếp tục sử dụng phần đất diện tích có diện tích 1.338,9m², thửa số 153, tờ bản đồ số 22, đất tại khu vực 4, phường III, thành phố Vị Thanh nay là khu vực 4, phường Vị Thanh, thành phố Cần Thơ.

(Kèm theo Mạnh trích đo địa chính số 13/2025, ngày 17/4/2025 của Công ty TNHH MTV Đo đạc Tản Lộc Thành)

Bà Nguyễn Thị X được quyền liên hệ Cơ quan có thẩm quyền để được thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Danh Nh nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), chuyển số tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), ông Danh Nh nộp ngày 19/11/2024 theo biên lai thu số 0001281 thành án phí.

3/ Về chi phí tố tụng: tổng số tiền là 10.730.000 đồng (mười triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng), bà Nguyễn Thị X và ông Danh Nh đã nộp xong.

4/ Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án là ngày 22/01/2026. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

5/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11 – Cần Thơ;
- Phòng THA DS khu vực 11 – Cần Thơ;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Diệu Linh